



**Khối  
Chuyên Địa**

#diachat

SỐ THI SINH  
**79**

ĐIỂM ĐỖ DỰ ĐOÁN  
**40.30**

TỈ LỆ ĐỖ  
**44.30%**

STT	SBD	Tên thí sinh	Trường	Toán	Văn	Anh	Chuyên	Tổng chuyên
1	030204	Nguyễn Ngọc Hân	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	9.0	8.25	9.66	9.0	44.91
2	110091	Ngô Hải Bằng	THCS Tương Giang	8.75	8.75	9.04	8.25	44.54
3	110225	Vũ Thị Phương Hà	THCS Từ Sơn	6.75	8.5	9.58	9.25	44.33
4	170636	Nguyễn Hồng Thái	Trường THCS Vũ Kiệt	8.38	8.75	9.18	9.0	44.31
5	020449	Nguyễn Hoàng Bảo Kỳ	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	7.63	8.5	9.32	9.25	43.95
6	020773	Nguyễn Minh Tâm	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	7.88	8.75	9.24	9.0	43.87
7	110620	Ngô Thị Phương Thảo	THCS Tương Giang	8.75	8.5	9.28	8.0	43.53
8	020198	Phùng Trí Dũng	TH&THCS Hoàng Hoa Thám	8.0	8.25	8.76	9.25	43.51
9	120364	Nguyễn Ngọc Huyền	THCS Từ Sơn	7.75	8.25	8.48	9.0	43.48
10	020208	Nguyễn Bình Đức Dương	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	8.0	8.75	8.9	8.75	43.15
11	020562	Trần Phương Mai	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	6.5	9.25	9.38	9.0	43.13
12	020545	Nguyễn Ngọc Lợi	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	8.75	8.5	8.24	8.75	42.99
13	020684	Vũ Yến Nhi	Trường THCS Tiên Du	8.75	8.5	9.1	8.25	42.85
14	110542	Nguyễn Đạt Diên Ninh	Trường THCS Tiên Du	8.13	8.25	8.42	8.75	42.8
15	020412	Lê Quốc Khánh	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	8.13	8.0	8.48	9.0	42.61

STT	SBD	Tên thí sinh	Trường	Toán	Văn	Anh	Chuyên	Tổng chuyên
16	020838	Dương Phương Trang	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	8.25	9.0	8.32	8.5	42.57
17	020891	Trần Thị Cẩm Tú	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	8.5	8.5	9.32	8.0	42.32
18	170610	Nguyễn Thị Huyền Sang	Trường THCS Phường Hồ	8.13	8.5	8.16	8.75	42.29
19	140379	Nguyễn Ngọc Linh	Trường THCS Nguyễn Cao	8.13	8.25	9.42	8.0	41.8
20	110540	Trần Ngọc Bảo Như	THCS Từ Sơn	8.5	8.5	9.26	7.25	41.76
21	020548	Đỗ Khánh Ly	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	7.5	9.0	8.56	8.25	41.56
22	100185	Trương Tiến Đạt	Trường THCS Tiên Du	9.0	8.5	8.88	7.25	41.38
23	020070	Trần Hồng Anh	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	8.63	8.0	9.1	7.75	41.23
24	020224	Trần Linh Đan	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	6.75	8.25	9.18	8.5	41.18
25	090428	Nguyễn Mai Linh	Trường THCS Tiên Du	8.5	8.5	8.58	7.75	41.08
26	020215	Nguyễn Thị Thùy Dương	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	8.38	8.25	8.8	7.75	40.93
27	200001	Bùi Thị Mai An	Trường THCS Lê Văn Thịnh	8.25	8.5	9.46	7.25	40.71
28	020900	Nguyễn Toàn Gia Uy	Trường THCS Suối Hoa	8.0	7.25	7.94	8.75	40.69
29	210401	Nguyễn Hà Linh	Trường THCS Lê Văn Thịnh	8.13	8.25	8.8	7.75	40.68
30	020072	Trần Nguyễn Nhật Anh	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	7.75	8.5	9.38	7.5	40.63
31	220579	Hoàng Thị Quế Như	Trường THCS Hàn Thuyên	8.63	7.75	7.62	8.25	40.5
32	020907	Trần Thu Uyên	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	8.5	8.5	8.96	7.25	40.46
33	110647	Trần Thu Thủy	THCS Từ Sơn	7.0	8.25	9.18	8.0	40.43

STT	SBD	Tên thí sinh	Trường	Toán	Văn	Anh	Chuyên	Tổng chuyên
34	220570	Vũ Thị Yến Nhi	Trường THCS Hàn Thuyên	8.0	9.0	5.38	9.0	40.38
35	020859	Nguyễn Văn Triết	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	8.25	8.25	7.8	8.0	40.3
36	020377	Bùi Minh Hùng	Trường THCS Suối Hoa	7.25	9.25	5.78	9.0	40.28
37	090668	Nguyễn Ngọc Tân	Trường THCS Tiên Du	8.0	7.5	8.14	8.0	40.14
38	110567	Vũ Mai Phương	THCS Từ Sơn	8.5	8.5	6.88	7.25	39.88
39	140152	Doãn Thùy Dương	Trường THCS Nguyễn Cao	8.25	8.5	8.56	7.25	39.81
40	220459	Nguyễn Viết Luân	Trường THCS Hàn Thuyên	8.25	8.25	7.92	7.5	39.42
41	070267	Chu Thị Hồng Hạnh	Trường THCS Yên Phong	8.13	8.75	9.48	6.5	39.36
42	100659	Nguyễn Thị Thu Trang	Trường THCS Tiên Du	8.25	8.0	9.04	7.0	39.29
43	020624	Trần Phương Nga	Trường THCS Kinh Bắc	7.88	8.0	9.38	7.0	39.26
44	140501	Nguyễn Bảo Ngọc	Trường THCS Nguyễn Cao	8.75	8.0	8.32	7.0	39.07
45	210692	Bùi Thị Thúy	Trường THCS Lê Văn Thịnh	9.0	8.75	8.28	6.5	39.03
46	110257	Lương Phương Hoa	THCS Từ Sơn	6.75	7.5	7.32	8.5	38.57
47	140015	Đặng Thị Mai Anh	Trường THCS Nguyễn Cao	7.5	9.0	7.9	7.0	38.4
48	020272	Nguyễn Ngân Giang	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	8.5	8.25	8.62	6.5	38.37
49	140608	Đỗ Thanh Tâm	Trường THCS Nguyễn Cao	7.63	8.25	8.9	6.5	38.28
50	100261	Nguyễn Thị Thu Hoài	Trường THCS Tiên Du	8.5	8.25	7.3	7.0	38.05
51	140375	Nguyễn Hải Linh	Trường THCS Nguyễn Cao	7.25	8.75	8.8	6.5	37.8

STT	SBD	Tên thí sinh	Trường	Toán	Văn	Anh	Chuyên	Tổng chuyên
52	070272	Nguyễn Tuấn Hạo	Trường THCS Yên Phong	8.13	8.25	8.28	6.5	37.66
53	140536	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Trường THCS Nguyễn Cao	8.25	8.25	7.88	6.5	37.38
54	220729	Trần Thị Thuỷ Tiên	Trường THCS Quảng Phú	6.5	8.0	6.12	8.25	37.12
55	210616	Nguyễn Tuấn Anh Quốc	Trường THCS Lê Văn Thịnh	8.63	8.75	7.96	5.75	36.84
56	040332	Nguyễn Lương Minh Khuê	Trường THCS Tiên An	6.38	9.25	3.2	9.0	36.83
57	070559	Nguyễn Xuân Pháp	Trường THCS Yên Phong	8.63	7.5	8.06	6.25	36.69
58	170246	Nguyễn Đức Hiếu	Trường THCS Vũ Kiệt	8.13	8.0	8.54	6.0	36.67
59	020682	Vũ Ngọc Yến Nhi	Trường THCS Thị Cầu	7.88	8.0	7.7	6.5	36.58
60	020268	Nguyễn Hoàng Hương Giang	Trường THCS Tam Đa	7.5	8.75	7.78	6.25	36.53
61	220640	Nguyễn Thị Quỳnh	Trường THCS Hàn Thuyên	7.25	9.0	7.1	6.5	36.35
62	090553	Nguyễn Minh Nguyệt	Trường THCS Tiên Du	7.5	9.25	8.52	5.5	36.27
63	140045	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Trường THCS Nguyễn Cao	8.63	8.0	8.94	5.25	36.07
64	140380	Nguyễn Ngọc Mai Linh	Trường THCS Nguyễn Cao	7.63	8.5	8.26	5.75	35.89
65	140537	Đặng Nhật Ninh	Trường THCS Nguyễn Cao	7.0	7.75	8.86	5.75	35.11
66	220812	Nguyễn Hữu Việt	Trường THCS Hàn Thuyên	8.75	7.75	5.82	6.25	34.82
67	200589	Nguyễn Thị Thùy Trâm	Trường THCS Lê Văn Thịnh	7.25	8.5	5.26	6.75	34.51
68	070066	Nguyễn Thị Vân Anh	Trường THCS Yên Phong	6.0	7.5	7.76	6.5	34.26
69	200352	Nguyễn Quang Minh	Trường THCS Hàn Thuyên	8.25	8.25	4.68	6.5	34.18

STT	SBD	Tên thí sinh	Trường	Toán	Văn	Anh	Chuyên	Tổng chuyên
70	210511	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	Trường THCS Lê Văn Thịnh	7.25	8.5	6.28	6.0	34.03
71	020596	Phạm Hưng Gia Minh	Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo	6.88	7.5	8.64	5.5	34.02
72	170776	Ngô Thanh Vân	Trường THCS Vũ Kiệt	8.38	7.75	8.76	4.5	33.89
73	210418	Nguyễn Thị Thảo Linh	Trường THCS Lê Văn Thịnh	7.13	9.25	6.92	5.25	33.8
74	200053	Trần Thị Ngọc Anh	Trường THCS Lê Văn Thịnh	8.13	8.5	7.42	4.75	33.55
75	070812	Nghiêm Đình Văn	Trường THCS Yên Phong	8.25	8.25	8.74	4.0	33.24
76	220007	Nguyễn Thu An	Trường THCS Hàn Thuyên	7.88	7.75	5.46	5.0	31.09
77	090111	Nguyễn Thị Chi	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phật Tích	7.0	8.75	7.7	3.25	29.95
78	020007	Trần bảo An	Trường THCS Đại Phúc	6.63	8.25	8.74	2.75	29.12
79	220413	Đoàn Thị Khánh Linh	Trường THCS Hàn Thuyên	7.13	8.5	6.0	0.0	0.0